

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01/9/2020

“V/v Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng Seo Chử và Bà Tẩn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Ngọc Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Khương Thị H, sinh năm 1995

- Bị đơn: Anh Sùng Chính S, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Khương Thị H trình bày: Chị và anh Sùng Chính S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chị đã về ở với bố mẹ từ đầu năm 2020 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Sùng Chính S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 người con chung là cháu Sùng Bảo N sinh ngày 13/8/2013, cháu Sùng Bảo K sinh ngày 06/01/2018 và cháu Sùng Thảo M sinh ngày 22/6/2015. Hiện nay cháu M đang ở cùng chị, còn cháu K và cháu N ở cùng bố là anh Sùng Chính S tại nhà ông bà nội. Nguyên vọng của chị H là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sùng Thảo M cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Sùng Bảo N và cháu Sùng Bảo K cho anh Sùng Chính S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cùng giấy triệu tập cho anh S thông qua bố mẹ đẻ anh S tại Thôn N, xã B, huyện M, nhưng anh S không có mặt và không gửi văn bản trả lời cho Tòa án.

Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S vắng mặt. Do vậy Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ cho anh S và không tiến hành hòa giải.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và lấy lời khai của bà Hoàng Thị Th là mẹ đẻ anh S được biết hai con chung của anh S và chị H là cháu N và K hiện đang ở cùng bà Th và do bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th cho biết bà đã thông báo đầy đủ cho anh S biết các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, anh S cũng biết việc chị H khởi kiện, quan điểm của anh S cũng nhất trí ly hôn nhưng do điều kiện công việc nên anh không đến Tòa án được. Mặc dù anh S đi làm nhưng thường xuyên về nhà và gửi tiền về nhờ bà Th nuôi con, nguyên vọng của anh S và gia đình bà được nuôi cả hai cháu N và K, còn cháu M ở với chị H thì nên để chị H nuôi dưỡng. Đối với tài sản chung và nợ chung của chị H và anh S không có gì nên bà Th không có ý kiến.

Tại phiên tòa, chị Khương Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, và vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, anh Sùng Chính S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh S; về con chung: Giao cháu Sùng Thảo M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao hai cháu Sùng Bảo K và Sùng Bảo N cho anh S nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Khương Thị H và anh Sùng Chính S có đăng ký kết hôn theo quy định, nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Khương giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn với anh Sùng Chính S. Anh Sùng Chính S có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Khương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Sùng Chính S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung

2.1. Về hôn nhân:

Theo Trích lục kết hôn số: 48/TLKH-BS ngày 20/4/2020 do chị Khương Thị H cung cấp thì chị Khương Thị H và anh Sùng Chính S có đăng ký kết hôn số 83 ngày 26/12/2012 tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn giữa chị H và anh S là do vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai, việc anh chị sống ly thân có bà Hoàng Thị Th là mẹ anh Sùng Chính S xác nhận. Như vậy chị H và anh S đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh S là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống chị Khương Thị H và anh Sùng Chính S có 03 người con chung là cháu Sùng Bảo N sinh ngày 13/8/2013, cháu Sùng Bảo K sinh ngày 06/01/2018 và cháu Sùng Thảo M sinh ngày 22/6/2015. Hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng Thảo M, còn hai cháu Sùng Bảo K và Sùng Bảo Nguyên đang ở cùng bố tại nhà ông bà nội. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M đến tuổi trưởng thành, giao hai cháu N và K cho anh S nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi chị H và anh S ly thân, chị H mang theo cháu M, còn cháu K và N vẫn ở cùng anh S và bố mẹ anh S. Tuy anh S đi làm ăn xa nhưng vẫn về thăm nom, gửi tiền để bố mẹ anh S nuôi hai cháu. Ý kiến cháu Sùng Bảo N có nguyện vọng được ở cùng ông bà nội và bố. Do vậy để ổn định cuộc sống của các cháu cần giao cháu Sùng Thảo M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao hai cháu Sùng Bảo N và Sùng Bảo K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Khương Thị H xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Khương Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Vấn đề khác: Bản án có hiệu lực pháp luật sẽ được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khương Thị H, xử cho chị Khương Thị H được ly hôn anh Sùng Chính S.

2. Về con chung: Giao cháu Sùng Thảo M sinh ngày 22/6/2015 cho chị Khương Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu Sùng Bảo N, sinh ngày 13/8/2013 và cháu Sùng Bảo K, sinh ngày 06/01/2018 cho anh Sùng Chính S nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Khương Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AB/2012/0008057 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh LàoCai;

-VKSND huyện MK, VKSND tỉnh LàoCai;

-Chi cục THADS huyện Mường Khương;

-Các đương sự;

-UBND xã B (ĐKKH số 83 ngày 26/12/2012);

-Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lý Thị Minh Yên